

# Tổng quan tình hình thế giới năm 2005

PHẠM THÁI VIỆT (\*)

## A - Quan hệ giữa các nước lớn

### I. Quan hệ Trung-Mỹ

#### 1. Kinh tế

Mối quan hệ Trung-Mỹ đã, đang và sẽ gặp phải những bất đồng và mâu thuẫn. Nhưng cả hai đều là nước lớn và có vai trò quan trọng trên thế giới, thêm vào đó, vì lợi ích của bản thân, cả Trung Quốc lẫn Mỹ đều không muốn mối quan hệ này đổ vỡ. Bởi vậy, xét trong xu hướng tổng thể, đây là mối quan hệ cân bằng động giữa các lực kiềm chế - hợp tác - đấu tranh mà khó có yếu tố nào trong số đó có thể vượt hẳn lên chiếm ưu thế.

Sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc đang làm cho nước này trở thành đối thủ cạnh tranh đầy tiềm lực của Mỹ trong các lĩnh vực, từ thương mại tới ngoại giao và quân sự. Tuy nhiên, Martin Wolf, nhà bình luận của "Thời báo tài chính", cho rằng: "hai nước rất khác biệt nhau này sẽ phải hợp tác chặt chẽ với nhau trong nhiều thập kỷ, thậm chí nhiều thế kỷ tới".

Mỹ hiện là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Trung Quốc. Ngày 8/11/2005 vừa qua, hai nước đã ký thỏa thuận hạn chế hàng dệt may nhập khẩu từ Trung Quốc vào Mỹ. Nhưng các quan chức Mỹ vẫn lo ngại về mức thâm hụt thương mại của Mỹ

---

(\*) TS., Trưởng phòng Phòng Thông tin Chính trị và Những vấn đề chiến lược phát triển, Viện Thông tin KHXH.

với Trung Quốc (162 tỉ USD trong năm 2004).

Các biện pháp bảo hộ từ phía Mỹ đang được áp dụng, vì các nhà chính trị của nước này buộc tội Trung Quốc không chịu nhập hàng từ Mỹ, song lại đổ vào thị trường Mỹ các loại hàng hóa rẻ.

Trong thập kỷ qua, Trung Quốc ghìm thấp giá trị đồng tiền của mình so với đồng USD ở mức mà các nhà phê bình coi là tỉ lệ thấp giả tạo. Các nhà sản xuất Mỹ đã buộc tội Trung Quốc là nước này đã cố tình hạ thấp giá trị đồng tiền của mình để khuyến khích xuất khẩu hàng hoá với giá rẻ; và cũng vì lý do đó mà hàng hóa Mỹ vào Trung Quốc đắt lên tới 40%. Họ cũng nói rằng, tỉ giá tiền tệ góp phần làm cho thâm hụt buôn bán của Mỹ với Trung Quốc tăng lên, dự tính ở mức 200 tỉ USD trong năm 2005 (1).

## **2. An ninh và quân sự**

Báo cáo hàng năm của Lầu Năm Góc (năm 2005) về sức mạnh quân sự của Trung Quốc ước tính rằng, hiện nay, Trung Quốc dành khoảng từ 60 đến 90 tỉ USD cho quốc phòng, tức là cao hơn 2-3 lần so với mức công bố chính thức. Quân số thường trực của Trung Quốc là 2,3 triệu và đang ở giai đoạn giữa của kế hoạch hiện đại hóa quân sự chiến lược với khoản ngân sách rất lớn (1).

Các chuyên gia Mỹ cho rằng, quân đội Trung Quốc sẽ sớm đương đầu được với quân đội Mỹ và điều này sẽ là một xu hướng đáng quan ngại. Qua đó, có thể đoán được quan điểm hiện tại của Washington đối với Bắc Kinh. Hoa Kỳ cho rằng, Trung Quốc hiện đang đứng trước “ngã tư chiến lược” và sự lựa chọn đường hướng của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng lớn đến Hoa Kỳ cũng như khu vực châu Á-Thái Bình Dương; và thậm chí là cả thế giới (2).

Trung Quốc hiện là thành viên của Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) - tổ chức hợp tác trong lĩnh vực chống đe dọa an ninh ở khu vực Trung Á. Tháng 8/2005, dưới sự bảo trợ của Tổ chức này, Trung Quốc đã cùng với Nga tiến hành cuộc tập trận đầu tiên.

Việc Trung Quốc tăng cường khả năng quân sự có liên quan nhiều đến vấn đề Đài Loan; nhưng về lâu dài, nó có tác dụng tăng cường vai trò trong khu vực. Khẳng định vai trò này, Trung Quốc

đã nỗ lực ngăn chặn Bắc Triều Tiên phát triển vũ khí hạt nhân dài hạn. Trung Quốc là nước chủ nhà của vòng năm cuộc đàm phán sáu bên về vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên, tổ chức từ 9 - 11/11 tại Bắc Kinh.

Đối với vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên, Trung Quốc và Mỹ tìm được tiếng nói chung (nhưng với những động cơ khác nhau). Nhưng Đài Loan vẫn sẽ là ngòi nổ tiềm tàng trong quan hệ Trung - Mỹ. Washington sẽ tiếp tục đường lối đối xử với Đài Loan một cách thận trọng; và cố giữ cân bằng giữa hai bờ eo biển. Nhìn chung, Mỹ bằng lòng với hiện trạng của Đài Loan và sẽ cố gắng duy trì hiện trạng đó trong nhiều năm nữa.

### **3. An ninh năng lượng**

Trong khi thế giới tập trung chủ yếu vào sức tiêu thụ dầu lửa ngày càng tăng của Trung Quốc, thì kinh tế Trung Quốc lại thực sự vận hành nhờ than đá. Khoảng 67% nhu cầu năng lượng của Trung Quốc được đáp ứng nhờ than đá, trong khi chỉ có 24% là dầu lửa. Trung Quốc tiêu thụ 6,31% tổng thương mại về dầu lửa của thế giới, trong khi Nhật Bản tiêu thụ 11,3% và Mỹ là 29,6% (1).

Sản xuất gia tăng trong các ngành công nghiệp đã làm tăng mức tiêu thụ năng lượng của Trung Quốc. Chính vì thế, Trung Quốc cũng đang tìm kiếm trên thế giới các nguồn cung cấp dầu lửa đáng tin cậy khác. Vấn đề nhiên liệu luôn “in dấu ấn” của nó vào những sự vụ gần đây của Trung Quốc: từ mối quan hệ căng thẳng với Nhật Bản, tới vấn đề Đài Loan và với phương Tây.

Trung Quốc đã nỗ lực bỏ ra nhiều tỷ USD để giành quyền kiểm soát một phần nguồn năng lượng của Mỹ nhằm đảm bảo lượng nhiên liệu cần có để đáp ứng được tốc độ phát triển nhanh của nền kinh tế.

Động thái rõ ràng nhất là việc Tổng công ty Dầu ngoài khơi quốc gia Trung Quốc (CNOOC) đã trả giá 18,5 tỷ USD để mua lại hãng dầu Mỹ UNOCAL (3). Giả sử nỗ lực này thành công, khi đó Bắc Kinh sẽ có sức mạnh lớn hơn trên thị trường dầu mỏ thế giới, giống như các công ty dầu của Nhật Bản và châu Âu, vì đã bước chân được vào quan hệ hợp tác chặt chẽ với các hãng lớn của Mỹ

trên khắp thế giới.

Nhưng Washington đã bác bỏ hợp đồng này với lý do an ninh quốc gia, như đề xuất của một số nghị sĩ. Do đó, Trung Quốc buộc phải xây dựng quan hệ với những quốc gia không được Nhà Trắng ủng hộ và tăng cường hợp tác với các nhà sản xuất dầu chính ở châu Phi, châu Mỹ Latin – những nước xuất khẩu dầu mỏ vốn trước đây chỉ luôn nhìn vào thị trường Mỹ.

Kể từ khi trở thành nhà lãnh đạo cao cấp nhất Trung Quốc cuối năm 2002, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã công du châu Mỹ Latin, Đông Nam Á và châu Phi, với mục tiêu bảo đảm các nguồn năng lượng ở đây không rơi vào tay các công ty Mỹ hay châu Âu. Cuối tháng 6/2005, ông Hồ Cẩm Đào có chuyến thăm thứ ba tới Nga. Một trong các chủ đề nghị sự là thiết lập đường ống dẫn dầu thô từ Siberia tới Đại Khánh – một trung tâm dầu mỏ ở phía đông bắc Trung Quốc. Bắc Kinh hy vọng đường ống này sẽ làm giảm mức độ phụ thuộc vào các thị trường Trung Đông, nơi Mỹ đang chiếm ưu thế.

Giống như trường hợp của Nhật Bản trong những năm 1930, quan hệ của Trung Quốc với thế giới bên ngoài đang bị nhu cầu năng lượng dẫn dắt và định hình.

## II. Quan hệ Nga-Mỹ

Nội dung các cuộc làm việc của Ngoại trưởng Mỹ tại Moscow kết thúc ngày 20/4 nhằm chuẩn bị cho chuyến thăm Nga của G. Bush (8 và 9/5/2005) đã phân nào thể hiện quan hệ Nga-Mỹ.

Về lý thuyết, Bà Rice luôn khẳng định rằng, quan hệ Nga-Mỹ hiện nay là “rất ấm áp” nhờ hai bên đã “tìm ra được cách thức đối thoại với nhau về bất cứ vấn đề nào, kể cả những đề tài khó khăn nhất”. Nhưng trên thực tế, quan hệ đó mới ở mức, như chính bà Rice xác định trong trả lời báo giới khi kết thúc chuyến thăm Nga: “Mỹ không phải là kẻ thù chiến lược của Nga”(4). Đó là thực trạng của mối quan hệ Nga – Mỹ.

Một trong những vấn đề được đưa ra tại cuộc làm việc giữa

nguyên thủ của hai nước (8 và 9/5/2005) là các vấn đề thanh sát vũ khí hạt nhân của Nga. Mỹ muốn nhận được một thoả thuận chính thức từ phía Nga về việc tiếp cận các địa điểm hạt nhân tại Nga.

Một vấn đề đáng quan tâm khác nữa trong quan hệ Mỹ - Nga là vai trò của Mỹ đối với những diễn tiến gần đây ở các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ. Nga có lý do để lo ngại khi những chế độ thân phương Tây đã xuất hiện sau các cuộc cách mạng màu tại Gruzia, Ukraine và Kyrgyzstan, nhất là khi những căn cứ quân sự Mỹ lại đang hiện diện ở Uzbekistan và Kyrgyzstan.

Bà Rice, khi trả lời truyền thông Nga, đã phủ nhận việc Mỹ “xuất khẩu dân chủ” vào các nước trên, và cho rằng vai trò của Mỹ chỉ dừng lại ở việc “ủng hộ nhân dân các nước đó và quyền của họ được bày tỏ ý kiến”; và rằng, Nga không nên xem Mỹ như một nước đang mưu toan tranh giành ảnh hưởng ở không gian hậu Xô Viết vì Mỹ (cũng như Nga) đều muốn có sự hiện diện của kinh tế Mỹ ở khu vực này. Theo cách nói của bà Rice: “Mỹ đang củng cố ảnh hưởng kinh tế của mình trong một cuộc chơi mà sẽ không có người thua” tại khu vực này.

Dĩ nhiên, nước Nga đã không tin vào những luận giải ngoại giao ấy. Bởi ngay trong lời phát biểu sau đó, ngoại trưởng Mỹ (bà Rice) đã gọi chính quyền của Alexander Lukashenko ở Belarus (một trong những láng giềng đáng tin cậy nhất của Nga) là “nền chuyên chế cuối cùng ở châu Âu”.

Có lẽ không cần bình luận gì thêm về sự kiện: cùng ngày bà Rice tới thăm Nga thì tại thủ đô Minsk của Belarus, cuộc họp của ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng Belarus–Nga cũng diễn ra với chủ đề xoay quanh các vấn đề phòng thủ chiến lược, nhằm đối phó với “âm mưu một số nước sử dụng sức mạnh để giải quyết mọi vấn đề”.

Dân chủ cũng là một vấn đề khác được bà Rice đặt ra trong chuyến làm việc tại Nga. Bà Rice đã đề cập tới vấn đề tự do ngôn luận, khi nói rằng: “Mỹ không phải là nước duy nhất lo âu về tình hình các phương tiện truyền thông ở Nga”.

Đáp lại, Ngoại trưởng Lavrov cho rằng: “Người ta có quyền

thảo luận về tình hình thiếu tự do báo chí ở Nga, tuy nhiên đây là việc không dễ chút nào, vì khó có thể tìm thấy bằng chứng cụ thể”. Và quả nhiên là bà Rice đã không viện dẫn được những ví dụ cụ thể để chứng minh cho luận điểm trước đó của mình.

Trong chuyến thăm, bà Rice cũng đã bày tỏ sự quan ngại của Mỹ về quyền lực của pháp luật tại Nga liên quan đến vụ Tập đoàn dầu mỏ Yukos; về việc Nga cung cấp vũ khí cho Venezuela; đồng thời khẳng định rằng, Mỹ không phản đối sự trợ giúp của Nga đối với Iran trong vấn đề năng lượng hạt nhân, song cũng “rào trước” bằng cách chỉ ra động cơ của Iran đứng đằng sau kế hoạch đó.

Phản ứng trước ảnh hưởng lấn lướt của Mỹ, Nga muốn thành lập một khối, một liên minh hoặc là một hiệp hội nhằm đối trọng lại. Nga cho rằng, Trung Quốc và Ấn Độ (hai cường quốc châu Á đang tiến rất nhanh tới vị trí hàng đầu thế giới trong vòng 20-30 năm nữa) có thể sẽ là những thành viên quan trọng nhất của một liên minh kiểu như vậy. Năm 1998, Ấn Độ đã trở thành một cường quốc hạt nhân và hiện nước này vẫn đứng ngoài Hiệp ước Cấm phổ biến hạt nhân (NPT). Do nước này không ký NPT và vì thế cũng không hề vi phạm nó. Hơn nữa, Ấn Độ còn chế tạo những loại vũ khí riêng mà NPT không cấm.

Với cách nghĩ đó, Nga tỏ ra quan ngại trước những kết quả đạt được trong chuyến thăm Washington của Thủ tướng Ấn Độ - ông Singh. Đây là dấu hiệu cho thấy Mỹ đã xích lại gần với Ấn Độ thông qua hàng loạt đề xuất hợp tác trong những lĩnh vực như: hạt nhân, điện lực và phân phối vũ khí hiện đại.

Cơ sở của sự lo ngại đó là: xu hướng phát triển quan hệ Mỹ-Ấn có thể làm tổn hại đến mối quan hệ Trung-Ấn mà Nga đã nỗ lực khuyến khích. Mặc dù, Nga vẫn biết rằng, khó có thể hy vọng những nước lớn như Ấn Độ hay Trung Quốc chấp nhận sự lệ thuộc vào một nhà cung ứng công nghệ hạt nhân hay công nghệ quân sự duy nhất – mà cụ thể trong trường hợp này là Nga. Vì lợi ích của bản thân, Ấn Độ và Trung Quốc sẽ luôn tìm cách đa dạng hoá các nguồn cung ứng.

Nga đã vài lần đưa ra tuyên bố ở cấp cao rằng, việc dỡ bỏ lệnh cấm vận vũ khí của EU đối với Trung Quốc không làm Nga lo ngại, mà trái lại, nước Nga coi sự kiện đó là động lực để thúc đẩy ngành công nghiệp quốc phòng hướng về xuất khẩu của mình. Nga cũng giữ thái độ tương tự đối với thị trường vũ khí ở Ấn Độ.

Trong khi đó, Ấn Độ là một nước có nền ngoại giao rất khôn khéo. Trước khi Thủ tướng Singh tới Washington, Ngoại trưởng Ấn Độ Natwar Singh đã tới Vladivostok, bên bờ Thái Bình Dương của Nga để gặp với những người đồng nhiệm Nga và Trung Quốc. Bởi vậy, Moscow hiểu rằng, Ấn Độ không hề muốn trở thành "một siêu cường châu Á đang nổi lên", để "có thể tạo ra đối trọng với Trung Quốc" như tờ Washington Post đã viết.

Nhưng dù lợi ích riêng tư của bộ ba Nga–Trung–Ấn có khác nhau như thế nào đi chăng nữa, thì họ vẫn có nhiều điểm chung, mà cụ thể là lối tư duy thực tế của những cường quốc tầm cỡ khu vực: mỗi nước đều có trách nhiệm đối với trật tự ở khu vực của mình và trật tự thế giới; và họ không muốn chia sẻ ảnh hưởng khu vực cho những thế lực bên ngoài; đồng thời cũng không muốn thế giới được định hình bởi một trung tâm quyền lực duy nhất.

Có thể lấy hội nghị thượng đỉnh SCO tại Astana, Kazakhstan, ngày 5/7/2005, để minh chứng cho luận điểm nói trên. Trung Quốc và Nga đều là thành viên của SCO, còn Ấn Độ đã trở thành quan sát viên. Thông cáo chung SCO phản ánh mối quan ngại của tất cả các nước thành viên về tình hình tại Afghanistan. Đất nước này đang trở thành nguồn cung cấp ma tuý và là mối đe dọa đối với ổn định chính trị của khu vực Âu - Á. Mặc dù đóng quân tại đây, nhưng Mỹ và NATO vẫn không có một chiến lược chung để đối phó với hiểm hoạ này. Vậy sự hiện diện của Mỹ và NATO hẳn có những lý do khác. Bởi vậy, Tuyên bố chung của Hội nghị đã đề cập tới việc Mỹ nên xác định một cách cụ thể thời hạn chót cho việc rút các căn cứ quân sự của Mỹ và NATO khỏi khu vực Trung Á.

### III. Quan hệ Trung-Nga

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, Trung Quốc và Nga đã quán triệt nguyên tắc: láng giềng hữu hảo và hợp tác cùng có lợi, thúc đẩy quan hệ theo hướng lành mạnh cho cả hai bên. Điều này đặc biệt đúng kể từ năm 1996 khi hai nước xây dựng quan hệ đối tác chiến lược dựa trên nguyên tắc bình đẳng và tin tưởng lẫn nhau cùng hướng tới thế kỷ XXI.

Việc ký Hiệp ước láng giềng hữu hảo, thân thiện và hợp tác năm 2001 đã tạo cơ sở pháp lý cho hy vọng thành thực của nhân dân hai nước về một mối quan hệ "hữu nghị vĩnh viễn và không bao giờ thù địch", đánh dấu giai đoạn mới trong sự trưởng thành và ổn định của quan hệ song phương.

Không chỉ có vậy, việc phân ranh giới 4.300 km đường biên giới đã được công nhận trong văn bản pháp luật, trở thành chiếc cầu nối cho hoà bình, hữu nghị và phát triển. Động thái này cũng xoá bỏ những nghi ngờ bấy lâu xung quanh quan hệ chính trị đồng thời là sự đảm bảo về mặt an ninh cho các thế hệ tương lai của hai nước, là nền tảng để thúc đẩy quan hệ song phương phát triển.

Thông cáo chung đưa ra trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào năm 2005 cũng báo hiệu quan hệ hai nước đã bước vào giai đoạn tốt đẹp chưa từng có. Các cuộc diễn tập quân sự chung là kết quả của mối quan hệ này, đồng thời là minh chứng thực tiễn về thiện chí của hai bên.

Trong những năm gần đây, Trung Quốc và Nga đã tăng cường tần số các chuyến thăm cấp cao trên tinh thần tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Hai cường quốc đã thiết lập một cơ chế cho các cuộc thăm viếng cấp cao, đồng thời thiết lập đường dây nóng cấp nguyên thủ để trao đổi ý kiến về các vấn đề quan trọng.

Những động thái này đã giúp hai bên thống nhất lập trường không chỉ trên các vấn đề quốc tế lớn mà cả trong an ninh khu vực, cùng hướng tới một thế giới đa cực.

Để đối phó với những thách thức và hiểm hoạ mới, hai bên đã xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược trong khuôn khổ quốc tế nhằm đưa ra một quan điểm chung về an ninh, trật tự chính trị, kinh tế quốc tế trên cơ sở công bằng và đồng thuận.

Trong các vấn đề hai bên cùng quan tâm, hợp tác là cách duy nhất để đạt được lợi ích chung và sự tin tưởng là nhân tố đảm bảo cho mối quan hệ hợp tác này. Chính vì lẽ đó có thể coi các cuộc diễn tập quân sự là biểu hiện của sự hiểu biết lẫn nhau ngày càng tăng.

Nhìn lại thập niên 1990, có thể thấy quan hệ Trung-Nga đã trải qua nhiều bước phát triển, từ chỗ "kết thúc quá khứ và khởi đầu tương lai", đến "hữu nghị", rồi đến "đối tác mang tính xây dựng" và năm 1996 nhảy vọt lên "đối tác chiến lược". Hiện, mối quan hệ song phương đang tiếp tục tiến tới chỗ phát triển toàn diện.

Mặc dù hoà bình và phát triển đang là xu thế của thời đại, thế giới vẫn phải đấu tranh với những nguy cơ, thách thức mới và quan hệ quốc tế luôn thay đổi. Trong môi trường ấy, Trung Quốc và Nga là hai cường quốc có tiếng nói trên vũ đài chính trị vì cả hai đều là thành viên thường trực Hội đồng Bảo an LHQ.

Việc hai bên có thể xây dựng quan hệ láng giềng hữu hảo và đối tác chiến lược đáng tin cậy phù hợp với lợi ích của hai nước và nguyện vọng của người dân cũng như góp phần vào hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới. Trong tương lai, Trung Quốc và Nga có nhiều cơ hội để mở rộng hợp tác, tăng cường hơn nữa môi trường hoà thuận giữa hai nước láng giềng.

Quyết tâm cải thiện quan hệ với Nga, gần đây Trung Quốc đã giải quyết cuộc tranh chấp biên giới kéo dài theo những điều khoản có lợi cho Moscow. Đổi lại, Kremlin cam kết sẽ tăng mạnh khối lượng vận chuyển dầu cho Trung Quốc bằng đường sắt và nối lại thảo luận về đường ống tới Đại Khánh sau lập luận dự án không có nhiều lợi ích kinh tế.

Nga và Trung Quốc có lẽ đang trông đợi thành lập được một khối liên minh quân sự kiểu như NATO ở phía đông của thế giới, sau cuộc họp thượng đỉnh SCO tuần trước tại Moscow. SCO ra đời

năm 2001 với các mục tiêu tăng cường hợp tác giữa các nước cộng hoà thuộc Liên xô cũ ở Trung Á, nhưng đã nhanh chóng trở thành một khối an ninh khu vực gồm 6 nước, và trong tương lai sẽ thu hút các thành viên mới như Ấn Độ, Pakistan và Iran.

Một trong những ý tưởng quan trọng của các thành viên chủ chốt trong SCO – Nga và Trung Quốc – là hạn chế ảnh hưởng của Mỹ, vốn tăng lên rất nhanh ở Trung Á sau sự kiện 11/9. “Bốn năm trước, khi SCO được lập ra, các quan chức Washington không thêm quan tâm và nói rằng không có gì phải quan ngại”- Ông Ariel Cohen, nhà nghiên cứu chiến lược ở Washington bình luận - “Nhưng giờ họ thấy thái độ đó là sai”.

Hội nghị thượng đỉnh SCO tập trung vào các biện pháp hợp tác an ninh, trong đó có kế hoạch tập trận chung giữa các thành viên. Một nội dung nữa là đẩy mạnh liên lạc với Afghanistan. Điều này có thể giúp Nga và Trung Quốc – hai nước đang lo ngại về nạn buôn lậu thuốc phiện cũng như ảnh hưởng của chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan – tăng cường quan hệ giữa SCO với chính quyền Afghanistan. Mặc dù xu hướng này có thể gây ra những bất hoà bởi quân của NATO vẫn đang hiện diện ở đất nước Trung Á này.

Tới dự họp ở Moscow, ngoài lãnh đạo các nước thuộc khối, gồm Nga, Trung Quốc, Kazakhstan, Uzbekistan, Kyrgyzstan và Tajikistan, còn có các quan chức cấp cao của những quốc gia “quan sát viên”, trong đó có Iran, Ấn Độ và Pakistan.

Vai trò của SCO tăng rất nhanh chóng là do tình hình an ninh ngày càng xấu đi trong khu vực các nước thuộc Liên Xô cũ ở Trung Á, cũng như do tham vọng của hai thành viên lớn trong khối muốn kiềm chế ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực này. Nga muốn chứng tỏ mình vẫn còn là một sức mạnh đáng kể trong khu vực, trong khi Trung Quốc phát triển rất nhanh và muốn đưa SCO thành một tổ chức lớn hơn và hiệu quả hơn.

Các nhà lãnh đạo Nga cho rằng, chính quyền của Tổng thống Bush, với các chiêu bài dân chủ, đang khiến tình hình Trung Á bất ổn. Giới phân tích chính trị Nga cho rằng, việc dân chủ hóa quá

nhanh chóng ở các nước Trung Á đang dẫn đến tình trạng hỗn loạn.

Vì thế, Hội nghị thượng đỉnh SCO hồi tháng 6 đã yêu cầu Mỹ lập kế hoạch rút căn cứ khỏi Uzbekistan và Kyrgyzstan. Tháng 7/2005, Tổng thống Uzbekistan Islam Karimov đòi Mỹ phải rút căn cứ của họ trên lãnh thổ nước ông vào cuối năm nay. Trong khi đó, ở nước láng giềng Kyrgyzstan, Ngoại trưởng Mỹ C. Rice đã phải công du hai lần cùng với khoản tiền thuê tăng lên đáng kể mới có được chỗ trú chân tiếp cho căn cứ quân sự Mỹ. Ngoài ra, Washington còn phải đảm bảo với Nga rằng sẽ không tìm cách mở thêm bất cứ căn cứ quân sự nào khác nữa trong khu vực.

Từ 18 đến 25/8/2005, Trung Quốc và Nga đã tiến hành cuộc tập trận chung đầu tiên. Sự kiện lịch sử này có tầm ảnh hưởng sâu sắc, cho thấy quan hệ hai nước đã bước vào một giai đoạn mới: tin tưởng lẫn nhau trong lĩnh vực quân sự. Trong cuộc tập trận quy mô lớn này, các máy bay ném bom chiến lược, tàu ngầm và lính dù Nga đã tiến hành một cuộc tấn công giả định nhằm “huỷ diệt” một nhóm nổi loạn ở miền Đông Bắc Trung Quốc.

Sau đó, Bộ trưởng Quốc phòng Nga Sergei Ivanov lại đề nghị tổ chức một cuộc diễn tập phối hợp Ấn – Trung – Nga lần đầu tiên dưới sự bảo trợ của SCO. Ông cho rằng, về nguyên tắc điều này là có thể bởi SCO là tổ chức an ninh được lập ra để đối phó với mọi vấn đề an ninh.

Nếu Ấn Độ và Iran tham gia SCO, biên giới của khối sẽ trải rộng tới tận Nam Á và Trung Đông. Ấn Độ coi vị thế quan sát viên là một bước tiến vững chắc tới trở thành thành viên đầy đủ của SCO, một nhà ngoại giao New Delhi ở Moscow khẳng định. Tuy nhiên, Ấn Độ với mối quan hệ ngày càng cải thiện với Washington, chắc chắn sẽ không muốn gửi một thông điệp chống Mỹ quá lộ liễu.

Và mặc dù tương lai của SCO có thể trải rất rộng, các nhà phân tích vẫn cho rằng, sự ganh đua bên trong khối sẽ khiến khả năng trở thành một thể chế như NATO vẫn còn xa. Nhưng dấu sao ý tưởng về một khối quân sự thống nhất ở phương đông vẫn có sức hút mạnh mẽ, ít nhất là ở Nga.

## IV. EU và những vấn đề nội bộ

### 1. Hiến pháp châu Âu (5)

Vấn đề lớn của Liên hiệp châu Âu (EU) trong năm 2005 là các cuộc trưng cầu dân ý về Hiến pháp chung. Các nhà trí thức châu Âu đã bỏ ra 2 năm trước đó để đi đến một bản văn hiến pháp. Bây giờ là lúc thông qua. Mười nước/ tổng số 25 nước của EU đã chọn phương pháp trưng cầu dân ý trước khi đệ trình Quốc hội thông qua. Các nước có nhiều thành phần không mặn mà với EU như Anh và Đan Mạch sẽ tổ chức trưng cầu dân ý muộn hơn vào năm 2006, vì Chính phủ của các nước này hy vọng rằng, tất cả nước trước đó sẽ thông qua Hiến pháp, và như vậy sẽ tạo ra một động lực tích cực cho dân chúng của họ chấp nhận Hiến pháp.

Tuy nhiên, các cuộc trưng cầu dân ý lại là cơ hội để các phe chống châu Âu đưa ra thảo luận những vấn đề như chủ quyền quốc gia, các dòng nhập cư từ châu Phi và Arab, tư cách thành viên của Thổ Nhĩ Kỳ (một quốc gia Hồi giáo) trong một Liên hiệp châu Âu mà Thiên chúa giáo chiếm đa số, v.v...

Chỉ cần một quốc gia không chấp nhận bản văn thì Hiến pháp sẽ không được áp dụng. Nếu một quốc gia lớn và thuộc EU như Pháp hay Anh từ chối Hiến pháp thì dự án này được xem như bị phá sản.

Và quả nhiên điều đó đã xảy ra, đầu tiên là nước Pháp nói “không” với Hiến pháp EU và sau đó là Hà Lan. Tờ *Independent* của Anh kết luận là: “hiệp ước đã chết hẳn”. “Sự bác bỏ lần thứ hai cho thấy khủng hoảng của châu Âu lớn đến mức nào” - nhật báo Pháp *Le Figaro* cảnh báo.

Đa số các nhà lãnh đạo châu Âu cho biết, họ mong chờ vào hội nghị thượng đỉnh ngày 16, 17/6/2005 ở Brussels để xác định đường hướng sau cuộc khủng hoảng Hiến pháp.

Luxembourg (nước hiện đang giữ chức chủ tịch EU) cho rằng, tiến trình phê chuẩn hiến pháp vẫn cần được tiếp tục tại những nước châu Âu khác. Thủ tướng Luxembourg Jean-Claude

Juncker, cho biết: thời hạn để phê chuẩn Hiến pháp sẽ được lùi tới sau tháng 11/2006. Tuy nhiên, ông khẳng định, sẽ không có chuyện tái thương thuyết về nội dung hiến pháp; mặc dù cũng thừa nhận là cuộc bỏ phiếu tại Hà Lan đã cho thấy: “Châu Âu (EU) không còn là ước mơ của nhiều người”. “Chúng tôi tin rằng hiệp ước hiến pháp trả lời được nhiều câu hỏi mà người châu Âu đặt ra, vì vậy tiến trình phê chuẩn nên tiếp tục”, Thủ tướng Juncker bình luận tại Brussels.

Những lời bình luận của ông được đưa ra vào thời điểm đến lượt Đan Mạch, Ireland và Cộng hoà Czech tuyên bố họ sẽ hoãn tiến hành trưng cầu dân ý về Hiến pháp EU.

Chủ tịch Uỷ ban châu Âu Jose Manuel Barroso nói rằng: “Châu Âu cần phải suy ngẫm vì sao các cử tri Pháp và Hà Lan lại từ chối thông qua Hiến pháp”, nhưng cũng theo ông thì việc từ bỏ hiệp ước bây giờ hãy còn quá sớm: “Chúng tôi không muốn từ bỏ Hiến pháp, cũng không muốn tiếp tục như thể chưa có chuyện gì xảy ra. Chúng tôi quyết định dành thời gian suy nghĩ và có một cuộc tranh luận rộng rãi giữa tất cả những người dân EU. Hiện giờ chưa thể dự đoán kết quả tranh luận”.

Tổng thống Pháp Jacques Chirac gợi ý mở một cuộc họp thượng đỉnh khẩn cấp để bàn về tương lai EU: “Trong tình hình mới hiện nay, liệu liên minh có thể tiếp tục mở rộng mà không có những thể chế giúp cho khối hoạt động hữu hiệu được hay không?”.

## **2. Vấn đề dân nhập cư**

Với châu Âu, Trung Đông không chỉ quan trọng với tư cách là nguồn dầu mỏ mà còn là vấn đề nhập cư. Quan hệ của Thổ Nhĩ Kỳ và EU cũng không nằm ngoài quỹ đạo này.

Thổ Nhĩ Kỳ, nước có đại đa số dân theo Hồi giáo nhưng lại có một Chính phủ thế tục, hiện đang rất muốn trở thành một thành viên của EU.

Thổ Nhĩ Kỳ là đồng minh không thể thiếu của Mỹ trong các

Trên thực tế, các nước EU đã tỏ ra khá dè dặt. Hà Lan với các căng thẳng gia tăng vì xung khắc văn hoá quanh đề tài di dân, hiện đang tỏ ra rất lo ngại về những khác biệt tôn giáo mà đặc biệt là đối với sinh hoạt “ngoài luồng” của một số nhân vật đạo Hồi. Nếu không khéo xử lý vấn đề nhập cư, các đảng chính trị lớn tại EU sẽ dễ bị các nhóm cực đoan bài ngoại chiếm diễn đàn. Kiểm soát thị trường lao động, chế độ hưu trí, an sinh xã hội là vấn đề khiến EU phải đối mặt trong năm 2005. Các nước trong EU bắt đầu nhìn thấy một sự thực là dân số bản địa ngày một già đi do tỷ lệ sinh sản thấp, dẫn đến nhu cầu về nhân lực lao động tăng lên. Song rõ ràng là sự thiếu hụt về nhân khẩu cần được giải quyết bằng những cách thức khác nữa chứ không đơn giản là “nhập người” như hiện nay.

Việc cấm khăn trùm đầu ở Pháp và Đức đang là đề tài gây sôi nổi ở Pháp và Đức, hai nước mới ra lệnh cấm sử dụng nó vào cuối năm 2005.

Ở Pháp, vì vấn đề nói trên mà Nghị viện đã phải thông qua một đạo luật cấm dùng mọi biểu tượng tôn giáo quá lộ liễu trong nhà trường. Những tuần sau khi đạo luật ban hành, ở các thành phố lớn của Pháp, hàng chục ngàn người đã xuống đường biểu tình để phản đối.

Tại Đức, Liên minh đảng Dân chủ/Xã hội Cơ Đốc giáo Đức (CDU/CSU) đã đề xuất lên Nghị viện tiểu bang các dự luật cấm cô giáo không được dùng khăn trùm đầu trong trường. Điều đáng lưu ý là, những dự luật như vậy lại không cấm sử dụng các dấu hiệu tôn giáo khác (ngoại trừ Hồi giáo) trong trường học, như khăn trùm đầu của các bà xơ, dấu thánh giá Cơ Đốc giáo và mũ chóp Do Thái giáo (như ở bang Niedersachsen); hoặc cấm dùng khăn trùm đầu Hồi giáo trong tất cả các công sở (Bang Hessen). Mặc dù cho đến nay, Luật Lao động Đức vẫn cấm việc phân biệt

Thực ra những quy định cấm này phản ánh một tâm lý của người dân Đức là sợ cái lạ và sợ khuynh hướng Hồi giáo cực đoan. Nhiều người dân Đức than phiền rằng, các thánh đường Hồi giáo đang mọc lên như nấm bên cạnh nhà thờ (hoang vắng) của họ, tiếng kêu cầu kinh của người giáo sĩ Hồi giáo quấy phá giấc ngủ trưa của họ, hình ảnh người đàn ông Hồi giáo để râu xồm và đàn bà Hồi giáo trùm khăn nổi lên như những ốc đảo giữa dòng chảy của xã hội Đức. Họ có cảm tưởng nền văn hoá Hồi giáo đang xâm thực hoặc không chấp nhận hoà nhập vào nền văn hoá Cơ Đốc giáo chủ đạo. Hiện nước Đức có tới 3 triệu tín đồ Hồi giáo (trong số đó 500.000 là người Đức). Cuộc tranh luận về Hồi giáo âm ỉ từ lâu đã trở thành gay gắt hơn từ sau cuộc khủng bố ngày 11/9/2001 tại New York. Người dân Đức từ đó nhìn người theo đạo Hồi sống ở Đức với cặp mắt nghi ngờ và cho rằng những người còn khư khư giữ lễ lối của Hồi giáo hẳn phải là cuồng tín và cực đoan ... và không ở xa khuynh hướng khủng bố Hồi giáo là bao.

Ở nhiều nước châu Âu, Hồi giáo hiện là tôn giáo có số tín đồ đông hàng thứ ba sau Cơ Đốc giáo.

Nhưng liệu biện pháp cấm khăn trùm đầu có giúp người phụ nữ Hồi giáo hội nhập dễ dàng hơn, giúp giải quyết các mâu thuẫn của một thiểu số Hồi giáo sống chung với một đa số Cơ Đốc giáo, và giúp loại trừ các khuynh hướng Hồi giáo cực đoan và giúp tìm ra những tên khủng bố tiềm ẩn không?

Trả lời câu hỏi này thật không đơn giản. Vụ đánh bom tại London ngày 7/7/2005 đã diễn ra ngay sau khi đạo luật hạn chế các biểu tượng tôn giáo nơi công cộng được nhiều nước thuộc EU thông qua.

Sau vụ khủng bố 7/7, Thủ tướng Anh Tony Blair đã gặp gỡ các nhà lãnh đạo Hồi giáo tại Anh để bàn về việc loại trừ chủ nghĩa cực đoan, nhằm ngăn chặn nguy cơ đánh bom tự sát tái diễn. Trong buổi gặp gỡ đó, các bên đã bàn đến dự thảo luật chống khủng bố mới và thảo luận về việc các Imam (Giáo sĩ Hồi giáo) cần nói tiếng

Chính phủ Anh đã lên một danh sách các hoạt động mà nếu phạm phải thì sẽ có thể bị trục xuất khỏi Anh, trong đó có việc sử dụng các website, bài báo hay buổi giảng đạo để khuyến khích cực đoan. Những người làm công việc như vậy cũng sẽ bị cấm không cho nhập cảnh vào Anh quốc. Thủ tướng Anh cho biết, ông sẵn sàng chuẩn bị để sửa đổi luật về nhân quyền, để có thể thực hiện việc trục xuất người một cách nhanh gọn.

Ông Tony Blair thông báo về các biện pháp mà Chính phủ Anh cho là cần thiết để cải thiện an ninh quốc gia sau các vụ tấn công hồi tháng 7/2005 vào thủ đô London. Ông nhấn mạnh rằng, các biện pháp mới này không hề nhằm mục tiêu vào đa số người Hồi giáo ở Anh.

Ông nói rằng, quan điểm của Chính phủ Anh là: những kẻ cực đoan không thể đại diện cho đạo Hồi; và người theo Hồi giáo ở Anh nói chung đều căm thù hành động cực đoan. "Một lần nữa chúng tôi thừa nhận công lao và đóng góp của người Hồi giáo cho đất nước chúng ta. Chúng ta hoan nghênh họ cũng như hoan nghênh các khách nước ngoài tới nước Anh với thông điệp hoà bình".

"Chúng ta hoan nghênh những người nhận thức được rằng ở đất nước này, lòng kính trọng và sự khoan dung đối với các chủng tộc khác, những điều mà chúng ta coi là chân lý, cũng là bảo đảm chắc chắn nhất cho tự do và tiến bộ của tất cả mọi người dân thuộc tất cả các tôn giáo".

Thế nhưng, thủ tướng Blair cũng nói rằng, người Hồi giáo phải có nhiệm vụ bảo vệ các giá trị của nước Anh. Vì khi người ta tới sống ở Anh, người ta phải có bổn phận chia sẻ và ủng hộ những giá trị trong lối sống của Anh quốc. Ông nhấn mạnh rằng, những kẻ nào phá bỏ các giá trị đó và cố khơi gợi hận thù hay bạo lực chống lại đất nước, dân tộc Anh, kẻ đó sẽ không có chỗ ở Anh.

Ông Blair cũng vạch ra cái mà ông gọi là "chương trình nghị sự tối quan trọng" để đối phó với những kẻ theo tôn giáo cực đoan.

Các biện pháp mà ông Blair đưa ra đã đánh dấu một giai đoạn mới trong luật an ninh của Anh. Ông muốn bảo đảm rằng, bất cứ một người ngoại quốc nào bị coi là khủng bố đều phải bị trục xuất khỏi nước Anh.

Bộ trưởng Nội vụ sẽ được trao quyền quyết định trục xuất các cá nhân. Các hành động có thể dẫn tới việc bị trục xuất là: khơi gợi hận thù; ủng hộ bạo lực với lý do tín ngưỡng; bào chữa cho bạo lực hoặc trực tiếp thực hiện bạo lực (6).

Trong quá khứ, theo luật nhân quyền, Chính phủ Anh không thể trục xuất công dân các nước khác nếu như việc trục xuất đó đe dọa đến an ninh thân thể của họ. Nay để tạo điều kiện cho việc trục xuất, Chính phủ Anh sẵn sàng đàm phán và ký kết thoả thuận với một số quốc gia khác; thậm chí sửa đổi điều luật nhân quyền của Anh.

Ông Blair cũng tuyên bố: các nơi thờ tự mà liên quan tới việc truyền giảng hận thù sẽ bị đóng cửa. Ngoài ra Chính phủ cũng có kế hoạch từ chối chấp nhận cho những người theo cực đoan tỵ nạn, hoặc tước bỏ quyền công dân Anh khi các nhân vật này đã định cư tại Anh.

Bắt đầu từ tháng 11/2005, cũng trong chiều hướng đó, Chính phủ Anh sẽ đòi hỏi tất cả những ai muốn vào công dân Anh phải đi qua một kỳ thi chứng tỏ một kiến thức tối thiểu về tiếng Anh cũng như là một số kiến thức về lịch sử và chính trị nước Anh.

Điều này theo ông Blair là cần thiết, vì thực tế cho thấy, những kẻ thực hiện vụ tấn công 7/7/2005 tại London là con cháu của những người di dân gốc Pakistan và Jamaica; còn vụ tấn công khác, nhưng hụt vào ngày 21/7 là do những người di dân gốc Phi (Marocco) thực hiện. Những vụ tấn công này đã chỉ cho Chính phủ Anh thấy rằng, thủ tục nhập tịch của nước này là quá dễ dãi.

Đứng trước tình hình đó, Thủ tướng Tony Blair muốn kiểm tra kỹ sát hạch kiến thức nhập tịch để bảo đảm rằng nó đủ khó. Và trong một bài diễn văn gần đây, ông Blair đã gọi sự sát hạch này là một biện pháp mà Chính phủ ông đặt ra để chống lại những kẻ cực đoan.

Trong khi đó, giới lãnh đạo Hồi giáo thì lại muốn ông Blair phải thay đổi chính sách ngoại giao, mà không phải là thắt chặt chính sách nhập cư.

Rõ ràng là “cuộc nội chiến” trong lòng nền văn minh châu Âu mới chỉ bắt đầu.

Bởi vậy, với một sự cẩn trọng hết mực, ngày 5/10/2005, EU bắt đầu đàm phán với Thổ Nhĩ Kỳ (một quốc gia Hồi giáo) về quy chế gia nhập EU, sau 40 năm chờ đợi.

Trước đó, Mỹ đã lên tiếng giúp đồng minh của mình. Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Mỹ Richard Boucher bình luận: Washington “từ lâu đã tin rằng tương lai của Thổ Nhĩ Kỳ nằm ở châu Âu. Việc Thổ Nhĩ Kỳ và EU xây dựng quan hệ thân thiết là nằm trong lợi ích chiến lược của cả Mỹ, EU và Thổ Nhĩ Kỳ”.

Bất chấp áp lực của Hoa Kỳ, EU vẫn bế tắc trong đàm phán. Áo muốn đưa vào một quy chế thay thế cho tư cách thành viên đầy đủ đối với Thổ Nhĩ Kỳ. Trong khi đó, Thổ Nhĩ Kỳ đã nói rõ: sẽ không chấp nhận tư cách thay thế này. Áo cho rằng sự thận trọng của mình bắt nguồn từ lý do kinh tế chứ không phải văn hoá. Thế nhưng Thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ Recep Tayyip Erdogan thì rõ ràng lại không nghĩ như vậy.

Việc kết nạp Thổ Nhĩ Kỳ vào EU là vấn đề gây tranh cãi ở châu Âu. Nhiều thành viên Liên minh e rằng, nếu dung nạp một nước Hồi giáo với dân số tăng nhanh, lại có biên giới chung với Iran, Iraq và Syria – thì sẽ làm hỏng cộng đồng EU mà người Thiên chúa giáo là chủ yếu.

Bởi vậy, sự thận trọng của EU (mà đặc biệt là Áo) đã tỏ ra không thừa. Những phản ứng xấu chuỗi sau đó của cộng đồng Hồi

giáo di cư ở EU đã cảnh tỉnh các nhà lãnh đạo EU về hiểm họa đùng độ giữa cộng đồng người châu Âu bản địa với cộng đồng Hồi giáo di cư - lớn đến mức nào.

Cuối tháng 10 - đầu tháng 11/2005, làn sóng bạo động đã bùng phát ở vùng ngoại ô thủ đô Paris. Bạo lực làm bật nắp nồi hơi của nghèo đói, phân biệt đối xử và tuyệt vọng trong các gia đình nhập cư mà đa số người Pháp bản địa từ lâu đã không để ý tới(5).

Nhiều nước châu Âu đã lo ngại kịch bản tương tự xảy ra với họ. Nhiều tờ báo Arab cũng lo ngại "ngọn lửa Pháp" có thể lan rộng ra toàn châu Âu đồng thời nhấn mạnh tình hình ở Bỉ và Đức, nơi có cộng đồng người Arab và Hồi giáo nhập cư sinh sống. Tại Copenhagen, Peter Skaarup, phát ngôn viên của đảng Nhân dân Đan Mạch đã liên hệ tình hình ở Paris với các hoạt động phá hoại tại Đan Mạch. Tháng 9/2005 hàng chục thanh niên Hồi giáo nhập cư đã đốt cháy ô tô, phá hoại các trung tâm mua bán, làm hỏng quầy hàng và định đốt một nhà trẻ trong suốt 4 đêm bất ổn ở khu ngoại ô Rosenhoej.

Cuộc bạo động đã gây chia rẽ các thành phố lớn của Pháp với những vùng ngoại ô nghèo khó. Sự tức giận tập trung chủ yếu vào các dự án nhà ở tại những khu vực mà nạn thất nghiệp tội phạm và nghèo đói ở mức cao.

Bạo lực cũng cho thấy mối hoài nghi về những nỗ lực nhằm hoà hợp cộng đồng dân nhập cư rất lớn ở nước này (hiện ở Pháp có tới 5 triệu tín đồ đạo Hồi). Người nhập cư và con cái của họ luôn than phiền rằng, họ bị cảnh sát quấy nhiễu và khó kiếm việc làm, mua nhà cửa cũng như có được cơ hội. Các thủ lĩnh Hồi giáo yêu cầu chính trị gia Pháp tôn trọng cộng đồng người nhập cư. Dali Boubakeur, người đứng đầu Hội đồng Hồi giáo ở Pháp cho biết dân nhập cư ở vùng ngoại ô phải được "trao cho những điều kiện sống như con người" chứ không phải ở trong những "ngôi nhà tạm bợ bẩn thỉu".

Các nhóm đối lập cáo buộc Chính phủ để tình hình vượt ngoài tầm kiểm soát vì đã không phản ứng nhanh chóng và đã để quá

nhiều người nhập cư vào Pháp trong những năm qua.

Nghị sĩ đảng cầm quyền Jacques Myard nhận định tình hình bạo lực cho thấy sự thất bại của mô hình hoà hợp cộng đồng nhập cư của Pháp (5).

Những sự kiện trong năm 2005 đã chứng tỏ rằng, EU còn quá nhiều vấn đề nội bộ cần phải giải quyết, trước khi có thể bước lên vũ đài thế giới với tư cách là một “siêu cường thống nhất”.

## **B - Các điểm nóng trong đời sống chính trị quốc tế**

### **I. Iraq / Trung Đông**

Sự kiện quan trọng nhất trong năm 2005 ở Iraq là cuộc tuyển cử cuối tháng 1/2005. Vì sự phá hoại rất mãnh liệt của các nhóm nổi dậy, nhiều người e rằng cuộc tuyển cử sẽ phải hoãn lại. Nhưng cuộc tuyển cử này là mối hy vọng lớn nhất để giải quyết tình hình. Chỉ có một Chính phủ được bầu ra một cách dân chủ mới có đủ năng lực để chống lại các nhóm cực đoan. Bất chấp bạo lực của các phe phái, đại đa số người Iraq vẫn tham dự cuộc bầu cử. Điều mà nhiều người mong đợi nhất là một Chính phủ do người dân bầu ra, có thể liên kết được các thành phần Chiites, Sunnites, và Kurdes trong một liên minh dân tộc. Cộng đồng quốc tế sẽ ủng hộ tài chính và quân sự cho Chính phủ này để đập tan các lực lượng khủng bố cực đoan từ nước ngoài đổ vào. Đồng thời, Chính phủ này sẽ soạn thảo một hiến pháp mới cho Iraq.

Tổng thống Bush cho rằng, các chiến binh Hồi giáo đang muốn lập ra một đế chế Hồi giáo cực đoan, trải dài từ Tây Ban Nha tới Indonesia. Theo đó, Ai Cập, Jordan và Pakistan sẽ là những quốc gia mà các chiến binh Hồi giáo có tham vọng nắm quyền kiểm soát. Liên quan đến làn sóng bạo lực tại đây, Tổng thống Mỹ cáo buộc

Syria và Iran tiếp tay cho chiến binh Iraq, đồng thời nhấn mạnh Washington không phân biệt giữa những kẻ thực hiện các hành động khủng bố và những người ủng hộ hay chứa chấp chúng.

Mức độ bạo lực ở quốc gia vùng Vịnh gần đây đã tăng lên, và tình hình đã trở nên ngày càng xấu đi trước thời điểm trưng cầu dân ý về dự thảo hiến pháp.

Tại Israel, năm 2005 là năm gặp nhiều khó khăn. Thủ tướng Ariel Sharon đang cố gắng tiến tới một nghị quyết cuối cùng về việc tháo gỡ các khu định cư Do Thái trong dải Gaza, mặc dầu ông biết rằng sẽ phải đương đầu với sự chống đối mãnh liệt từ phía đảng Likoud. Cộng đồng quốc tế đang nỗ lực ủng hộ hành động của ông Sharon, nhưng điều đó vẫn chưa đủ để đạt được hòa bình trong khu vực. Bởi vậy, có lẽ Hoa Kỳ sẽ đóng vai trò quan trọng hơn để giải quyết vấn đề Palestine-Israel vào năm 2006. Khả năng này sẽ rất lớn nếu như đến năm 2006 mà tình hình Iraq không có tiến triển gì đáng kể.

Quan hệ giữa Iran với Israel đang tụt dốc không phanh và càng căng thẳng hơn kể từ khi Tổng thống Mahmoud Ahmadinejad nhậm chức tổng thống hồi đầu tháng 8/2005. Một tảng băng mới được thêm vào mối quan hệ này, sau những lời nhận xét thù địch của Tổng thống Iran về Israel với câu nói đầy tai tiếng: “xoá Israel khỏi bản đồ”.

Các nước châu Âu, Mỹ và Australia và dĩ nhiên cả Israel đã lên án kịch liệt; họ cho rằng, tuyên bố này là rất đáng lo ngại và không thể chấp nhận được.

Việc Iran từ chối công nhận quyền tồn tại của Nhà nước Israel là một chuyện. Nhưng ca ngợi những đợt tấn công mới của Palestine và nói rằng chúng có khả năng “quét sạch Israel” lại là chuyện khác, trong khi đang có hàng loạt nỗ lực ngoại giao để đưa các nhà lãnh đạo Israel và Palestine ngồi vào bàn thương thuyết và tránh gia tăng bạo lực.

Nhiều nhà phân tích nhận xét rằng, tuyên bố của ông Mahmoud Ahmadinejad diễn ra chỉ ít giờ trước khi xảy ra một vụ

đánh bom tự sát của các chiến binh Palestine nhằm vào dân thường Israel; và đó là điều hết sức bất lợi.

Trong 8 năm vị Tổng thống ôn hoà Khatami lãnh đạo Iran, quan hệ của Tehran với châu Âu đã cải thiện đáng kể. Ông từng ám chỉ rằng, nếu Palestine có thể tìm được cách để cùng tồn tại với Israel, thì Iran sẽ không can thiệp.

Vì vậy, khi một nhà lãnh đạo bảo thủ làm hồi sinh những lời lẽ đao to búa lớn từ 20 năm trước, lặp lại lời kêu gọi của cố lãnh tụ Hồi giáo Ayatollah Khomeini là “xoá Israel khỏi bản đồ”, thì điều này chắc chắn sẽ gây ra những biến đổi lớn trong chính sách đối ngoại của Iran đối với Israel.

## II. Chủ nghĩa khủng bố

### 1. Khủng bố ở London

Loạt đánh bom tự sát đầu tiên tại London diễn ra ngày 7/7/2005, làm 56 người chết và làm bị thương 700 người. Nhưng đúng 2 tuần lễ sau, bọn khủng bố lại tấn công London một lần nữa, bài bản mang dấu ấn của Al Qaeda y hệt lần trước, cũng với 3 trái bom trong 3 chiếc xe điện ngầm và một trái trong xe buýt toả đi bốn hướng. Tuy các thiệt hại lần này rất hạn chế về vật chất và sinh mạng, nhưng hậu quả tâm lý thì vô cùng lớn đối với người dân Anh. Lần này dân chúng đã thật sự lo sợ, vì nhiều lý do:

1. Người ta bỗng nhận ra là bọn khủng bố đang lộng hành quá mức: Ngay vào thời điểm Hội nghị cao cấp G8, ngay tại trung tâm London với vô số các máy thu hình kiểm soát trên đường phố, nơi công cộng, vậy mà bọn khủng bố vẫn thản nhiên tiến hành cho nổ bom hàng loạt, đạo diễn sự giết chóc một cách chi li như một cuốn phim hành động của Hollywood.

2. Sau ngày 7/7, trong lúc cảnh sát Anh đang đổ tung ra khắp hang cùng ngõ hẻm để truy lùng ráo riết, vậy mà đúng 2 tuần sau, giữa thanh thiên bạch nhật, những kẻ khủng bố đã ra tay lần thứ hai, cũng tại trung tâm London.

3. Các chuyên gia chống khủng bố đang hết sức lo ngại trước một điều mà họ gọi là “tâm cỡ mới của khủng bố”. Cho tới nay, các thành phố bị Al Qaeda khủng bố nặng nề như New York, Casablanca, Bali, Istanbul và Madrid chỉ bị một lần mà thôi. Bọn khủng bố không hề trở lại hiện trường lần thứ hai. Việc ra tay đánh bom London hai tuần sau ngày 7/7 cho thấy Al Qaeda và các chi nhánh địa phương của chúng đang áp dụng chiến thuật mới, tương tự như các dân quân Hồi giáo Palestine áp dụng tại Israel trong thời kì Intifada: Đánh bom tự sát nhiều lần, tại cùng một mục tiêu để gây hoảng loạn trong dân cư và gây tiếng vang chính trị mạnh hơn. Trong bản tuyên bố (mà tính chất xác thực chưa được kiểm chứng) của nhóm mang tên “Biệt đoàn Abu Hafs al-Masri”, những kẻ khủng bố đã viết: “Sự tấn công của chúng ta vào trung tâm thủ đô Anh Quốc là một thông điệp mà chúng ta sẽ lặp đi lặp lại cho tới khi các đoàn quân ngoại đạo rút hết khỏi Iraq”.

4. Giới hữu trách an ninh châu Âu cũng đang bóp đầu bóp trán phân tích về cái gọi là “thế hệ thứ hai của khủng bố”. Đây không còn là những tay súng Hồi giáo trung niên với kinh nghiệm chiến trường từ Afghanistan và Chechnya nữa, mà là các thanh thiếu niên thế hệ thứ hai của những người nhập cư từ khu vực Arab hay Hồi giáo nói chung, chẳng hạn như người di dân Pakistan tại Anh, họ tuy được sinh ra trong lòng một nước châu Âu, nhưng lớn lên trong nghèo khó ở các khu ngoại vi ổ chuột và được nuôi dưỡng bằng những chủ thuyết cực đoan Hồi giáo. Những người này không cần nhận chỉ thị trực tiếp của trùm Al Qaeda, mà hoạt động độc lập tại địa phương, tìm nguồn cảm hứng giết người qua các băng video của thần tượng Bin Laden.

Những kẻ khủng bố thuộc thế hệ thứ hai này không có một bộ mặt chính trị rõ nét: Có kẻ thì thù ghét chủ nghĩa đế quốc mới của Mỹ, có người phản đối cuộc chiến tranh Iraq, nhưng cũng có kẻ chẳng quan tâm gì đến Iraq, đơn giản là họ thù ghét xã hội Âu châu phồn hoa, nơi mà họ đang bị đẩy ra ngoài lề; hay đơn giản hơn nữa, họ thù ghét sự tiêu thụ xa xỉ của thế giới chung quanh.

Trước thế hệ khủng bố mới mẻ đó, giới hữu trách an ninh hiện nay vẫn chưa tìm ra được cách đối phó thoả đáng.

## **2. Khủng bố ở Sharm al-Scheich (Ai Cập), 23/7/2005**

Chỉ hai ngày sau loạt tấn công đợt thứ hai tại London, bọn khủng bố Al Qaeda đã cho nổ một loạt các bom xe trong khu du lịch nổi tiếng của Ai Cập tại Hồng Hải là Scharm el-Scheich, gây ra một vụ tàn sát kinh hoàng: Ít nhất 88 người chết và khoảng 150 người bị thương. Scharm el-Scheich là một địa danh có nhiều tính biểu tượng: Hội nghị cao cấp về Trung Đông đã nhiều lần được tổ chức tại đây.

## **3. Khủng bố ở New Delhi, 30/10/2005**

Hàng loạt vụ nổ gần như đồng thời rung chuyển thủ đô Ấn Độ, nhằm vào một chiếc xe buýt và 2 khu chợ có đông người đi mua quà trước dịp lễ Hindu. Các vụ nổ làm chết 61 người và gần 200 người bị thương ở New Delhi xảy ra khi các quan chức Ấn Độ và Pakistan đang gặp nhau tại Islamabad. Họ đồng ý cho mở cửa biên giới ở vùng Kashmir để giúp đỡ các nạn nhân của vụ động đất kinh hoàng đầu tháng 10/2005. Theo các nhà phân tích, mục đích của 3 vụ đánh bom nói trên là nhằm làm lệch hướng tiến trình hoà bình giữa hai nước láng giềng Nam Á.

Các chiến binh Kashmir đã nhận trách nhiệm vụ đánh bom New Delhi. Nhưng theo các chuyên gia an ninh, có bàn tay của nhóm chiến binh lớn hơn đóng căn cứ ở Pakistan là Lashkar-e-Taiba trong các vụ bạo lực trên.

Thế giới đồng loạt lên án các vụ nổ ở Ấn Độ, các nhà lãnh đạo cao cấp của Anh, Mỹ, Pakistan, Trung Quốc, EU, LHQ... đều bày tỏ thái độ phản đối vụ đánh bom ở thủ đô New Delhi. Họ gọi đây là "sự dã man" hay "hành động vô đạo đức của chủ nghĩa khủng bố" và kêu gọi đưa những kẻ chịu trách nhiệm ra công lý.

## **4. Khủng bố ở Jordan, 9/11/2005**

Vụ khủng bố đã làm ít nhất 57 người thiệt mạng và hơn 300 người bị thương; sau khi các quả bom nổ như gần đồng thời tại 3

khách sạn quốc tế ở Amman, thủ đô Jordan. Jordan vốn là một đồng minh quan trọng của Mỹ ở Trung Đông. Vua Abdulla từng thăm Mỹ cũng như Israel và bờ Tây Gaza. Trong nhiều năm qua, Amman còn trở thành căn cứ cho những người phương Tây ra, vào Iraq để làm việc.

Sự kiện này gây ra tâm trạng phẫn nộ của người dân Jordan. Có ít nhất 100.000 người tham gia tuần hành ở Amman, nhằm bày tỏ sự tức giận trước các vụ tấn công tự sát. Những người tuần hành hô vang khẩu hiệu: "Zarqawi, đồ hèn". Dòng người tuần hành trong 2 tiếng dọc thành phố Amman, sau đó kết thúc bằng một cuộc mít tinh lớn ở khu trung tâm. Tại đây, một số quan chức và giáo sĩ cao cấp phát biểu trước đám đông, lên án tên trùm khủng bố gốc Jordan Zarqawi và nhóm của hắn ta.

### **5. Thái độ của người Hồi giáo đối với chủ nghĩa khủng bố (7)**

Những hoạt động lên án kịch liệt các cuộc tấn công khủng bố nhằm vào dân thường đã diễn ra trên các đường phố, qua Internet, trong các toà báo và các cơ quan lãnh đạo Arab và Hồi giáo.

Có một số nhỏ ca ngợi các cuộc đánh bom khủng bố với những lời thoá mạ chống lại phương Tây, nhưng chúng đều bị nhấn chìm. Trên một trang web nổi tiếng, một người viết: "Làm sao chúng ta có thể hả hê và tạ ơn thánh Ala vì những cuộc đánh bom khủng bố được thực hiện nhân danh người? Thật là một nỗi ô nhục cho thế giới Hồi giáo".

"Phải chăng chúng ta không biết rằng thế giới Hồi giáo đang lớn mạnh tại châu Âu? Chúng ta làm xáo trộn mọi thứ lên để làm cái quái gì chứ? Những việc chúng ta đang làm là phi lý và chắc chắn không xứng với trí tuệ mà thánh Ala đã ban tặng cho chúng ta".

"Những kẻ khủng bố đó đã huỷ hoại thanh danh của thế giới Arab tại châu Âu và đã làm tổn hại tới tín ngưỡng".

"Sau vụ nổ bom, những người Arab sẽ phải đương đầu với những khó khăn mới. Do đó, các nước Arab phải đoàn kết lại chống

các tổ chức khủng bố chỉ muốn giết hại phụ nữ, trẻ em và người già vô tội”.

Tỷ lệ ủng hộ Bin Laden đang giảm mạnh trong các nước Hồi giáo. Số người theo đạo Hồi ủng hộ trùm khủng bố Al Qaeda Osama Bin Laden và các vụ đánh bom tự sát đã giảm mạnh, những cuộc thăm dò tại nhiều quốc gia đã cho kết quả như vậy (8).

Tại Morocco, 26% công chúng cho rằng họ rất tin vào Bin Laden so với 49% trong một cuộc điều tra hai năm trước. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, tỷ lệ hậu thuẫn Bin Laden giảm còn 7% (so với 15% trong hai năm trước). Ở Indonesia, tỷ lệ này còn 35% so với 58% trước đây. Tuy nhiên, tại Jordan, niềm tin đối với Bin Laden đã tăng lên từ 55% tới 60%. Tại Pakistan, tỷ lệ này tăng từ 45% tới 51% (8).

Khi được yêu cầu đánh giá về những vụ đánh bom tự sát, 13% dân Morocco cho rằng tấn công theo phương pháp đó là hợp lý. Trong cuộc điều tra hai năm trước, tỷ lệ này là 40%. 15% dân Hồi giáo Indonesia ủng hộ hành động trên so với 27% mùa hè năm 2002. Dân đạo Hồi ở Pakistan và Lebanon cũng giảm niềm tin của họ đối với biện pháp này (8).

Kết quả điều tra còn cho thấy, cả người phương Tây và dân các quốc gia đạo Hồi đều lo ngại về chủ nghĩa cực đoan Hồi giáo. 72% dân Morocco và 52% dân Pakistan nhìn nhận chủ nghĩa này là một mối đe dọa với đất nước họ trong khi đó tỷ lệ này ở Nga là 84%, ở Đức là 78%, ở Anh và Mỹ là 70%.

Khi được hỏi về nguyên nhân của chủ nghĩa cực đoan Hồi giáo, 40% dân Jordan buộc tội các chính sách và ảnh hưởng của Mỹ. Dân Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ cho rằng đói nghèo, thất nghiệp và thất học đã kích động chủ nghĩa này.

Tuy nhiên, bất chấp lo ngại về khủng bố, phần lớn dân Anh, Mỹ, Pháp, Canada và Nga vẫn có quan điểm tích cực về người theo đạo Hồi. Trái lại, 51% dân Hà Lan, 47% người Đức cho biết họ không thích các tín đồ Hồi giáo.

Trong khi đó, tại các nước Hồi giáo tồn tại tình trạng bài Do

Thái. Ở Lebanon, 100% tín đồ đạo Hồi và 99% dân Công giáo không thích dân Do Thái, trong khi 99% người Jordan không hề có cảm tình với những người thuộc Do Thái giáo (8).

### **III. “Chiến tranh” năng lượng**

Một vấn đề nổi cộm trong năm 2005 chính là sự biến động giá dầu. Ngoài yếu tố cung, nguyên nhân chủ yếu và lâu dài chính là nhu cầu sử dụng năng lượng tăng đột biến tại châu Á, điển hình là Trung Quốc.

#### *Châu Á lao đao vì giá dầu mỏ (9)*

Giá dầu tăng đã gây hại cho các nền kinh tế châu Á, vốn phụ thuộc vào nguồn dầu nhập khẩu, thậm chí có thể đẩy một số nước vào suy thoái kinh tế. Với giá dầu thô thế giới hiện tăng chừng 50% so với cách đây một năm, những lời cảnh báo ngày càng nhiều lên.

Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc dự đoán giá dầu tăng như hiện nay có thể lấy đi 0,7 điểm phần trăm tăng trưởng kinh tế và khiến giá tiêu dùng leo thang. Philippines đã cảnh báo về "hậu quả nặng nề", trong khi Nhật Bản (quốc gia nhập khẩu dầu số 1 thế giới) và Malaysia cũng rất lo lắng.

Châu Á phụ thuộc nhiều vào nguồn dầu nhập, đặc biệt là từ Trung Đông. Giá dầu tăng khiến chi phí đầu vào của nhiều ngành tăng cao, từ các hãng hàng không tới sản xuất thép, từ sản xuất máy tính tới ngư nghiệp. Người tiêu dùng cũng phải hạn chế chi tiêu để dành tiền chi cho giá xăng dầu cao. Điều này gây cản trở tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ra, những khách hàng tiêu thụ nhiên liệu ở châu Á còn chịu mức giá cao hơn nữa do không có nhiều nguồn cung ứng cạnh tranh nhau như ở phương Tây hay các nơi khác trên thế giới nên giá dầu thường đội lên khoảng 1,5 USD/ thùng.

Do tính đa dạng của các nền kinh tế trong khu vực nên ảnh hưởng của giá dầu cũng rất khác nhau.

Giới chức Malaysia thì lo lắng rằng, giá dầu cao có thể khiến

mức tăng trưởng kinh tế 7,1% năm 2004 giảm xuống còn 5-6% trong năm 2005.

Tương tự, Hàn Quốc có thể không đạt được sức tăng 4% như năm 2004. Tổng thống Philippines dự đoán: giá dầu tăng cao "sẽ ảnh hưởng nặng nề đến toàn bộ đất nước".

Ảnh hưởng của giá dầu cao đã thể hiện rõ ở Thailand; Thủ tướng nước này cho biết: "GDP chắc chắn bị tác động".

Các nước phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn dầu nhập như Singapore và Nhật Bản dường như còn lo hơn nữa. Giới chức Singapore dự đoán mức tăng trưởng kinh tế năm 2005 chỉ đạt 3-5%, giảm cực mạnh so với gần 8,5% năm 2004.

Còn với Nhật Bản, giá dầu cao "sẽ có ảnh hưởng gián tiếp và lâu dài tới kinh tế", Chánh văn phòng nội các Hiroyuki Hosoda bình luận. "Chúng tôi lo ngại giá cao sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế thế giới". Trong quá khứ, những đợt khủng hoảng dầu lửa đã khiến cường quốc kinh tế này phải thực hiện các chính sách hạn chế tiêu thụ nhiên liệu và tiết kiệm năng lượng, dẫn đến việc đưa ra các sản phẩm gia dụng tiết kiệm điện như máy điều hoà, tủ lạnh và máy giặt. Tuy nhiên các nhà sản xuất xe hơi nổi tiếng là ít hao xăng của quốc đảo này có lý do để lạc quan, bởi giá nhiên liệu cao có thể là cơ hội bán xe hiệu quả cho họ.

Tại Ấn Độ, nơi thị trường gần như là lĩnh vực độc quyền của các công ty nhà nước, nên Chính phủ đã phải hứng chịu phần lớn tác động của giá dầu cao. Việc tăng giá xăng dầu đã châm ngòi cho nhiều cuộc biểu tình nổ ra trên toàn đất nước.

Nhiều nhà kinh tế nhận định mức tăng trưởng của châu Á, trừ Nhật Bản, trong năm 2005, từ 6,7 xuống 6,3%, tuy nhiên họ không cho rằng giá dầu cao sẽ dẫn đến khủng hoảng nghiêm trọng ở châu lục này.

"Mức giá cao đương nhiên sẽ cướp đi những động lực tăng trưởng của khu vực. Nhưng chúng tôi cho là sẽ chưa có suy thoái kinh tế", một nhà nghiên cứu kinh tế ở Nhật Bản nói.

#### **IV. Cuộc chiến dầu mỏ của Trung Quốc (10)**

Trung Quốc, nước bắt đầu nhập khẩu dầu từ năm 1993, là nhà tiêu thụ dầu lớn thứ hai trên thế giới sau Mỹ, chiếm 40% sự gia tăng nhu cầu dầu thô của thế giới kể từ năm 2000. Mức dự trữ dầu của Trung Quốc khoảng 18.000 tỷ thùng và dầu nhập khẩu chiếm 1/3 lượng tiêu thụ dầu thô.

Trung Quốc đã đưa ra hàng loạt chính sách đối phó với tình trạng nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng, trong đó có các hoạt động đẩy mạnh thăm dò; đa dạng hoá nguồn năng lượng như than, khí thiên nhiên, năng lượng tái sinh, năng lượng hạt nhân; tăng cường bảo tồn năng lượng và khuyến khích đầu tư vào công nghệ năng lượng thân thiện với môi trường như năng lượng hydro.

Trung Quốc đã cùng với Mỹ và Nhật Bản thành lập các trung tâm dự trữ xăng chiến lược, với lượng dự trữ khẩn cấp 75 ngày tại một số tỉnh như Chiết Giang, Sơn Đông và Liêu Ninh.

Tuy nhiên, trước tình trạng thiếu năng lượng, sở hữu xe hơi tăng, vận chuyển hàng không trên khắp lãnh thổ Trung Quốc và nhu cầu năng lượng tăng mạnh trong các ngành quan trọng, chiến lược như nông nghiệp, xây dựng, sản xuất thép và xi măng...tất cả những cái đó đã khiến Trung Quốc phải gánh chịu một sức ép năng lượng khổng lồ và buộc phải tìm hướng tiếp cận với các nguồn năng lượng trên thế giới.

Như vậy, an ninh năng lượng đã đóng vai trò sống còn đối với sự ổn định và an ninh của Trung Quốc. Hiện nay, Trung Quốc đang đẩy mạnh nỗ lực bảo vệ đường biển, tuyến vận tải vốn mang vai trò quan trọng trong việc vận chuyển dầu, đồng thời vươn ra các khu vực khác như Trung Đông, châu Phi, Biển Caspian, Nga, châu Mỹ, vùng biển Đông và Nam Trung Quốc để tìm kiếm các nguồn năng lượng.

Nhiều thế kỷ qua Trung Quốc luôn cạnh tranh để giành vai trò lãnh đạo châu Á, thế giới đang phát triển và vị thế trên trường quốc tế, do đó nhu cầu an ninh năng lượng đã làm tăng khả năng cạnh tranh và thậm chí đối đầu trong lĩnh vực năng lượng.

Sự cạnh tranh cho đến nay đã bị giới hạn bởi khía cạnh kinh tế thông qua các công ty xăng dầu và khí đốt do Nhà nước quản lý như China Petroleum & Chemical Corporation (Sinopec), China National Petroleum Corporation (CNPC) và các chi nhánh như PetroChina và China National Offshore Oil Corporation. Tuy nhiên, khi giá dầu tăng và Trung Quốc phải nhập khẩu nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn, thì phương diện cạnh tranh đã vượt lên cả khía cạnh chính trị và quân sự.

Công cuộc tìm kiếm các nguồn năng lượng trên thế giới đang tạo ra những hiệu ứng bất ổn đối với an ninh quốc tế và khu vực. Ngoài những yếu tố như thiếu một đường hướng đa phương thống nhất về an ninh năng lượng tại châu Á và sự căng thẳng trong quan hệ bang giao giữa Trung Quốc và các quốc gia láng giềng, giờ đây cuộc cạnh tranh các nguồn năng lượng có thể gây ra một cuộc xung đột khu vực và quốc tế. Trong một số trường hợp, Trung Quốc đang ganh đua để kiểm soát các nguồn năng lượng tại những khu vực bất ổn nhất trên thế giới. Sự "dính líu" của Trung Quốc vào các khu vực bất ổn có thể gây ra tranh chấp, biến các cuộc xung đột khu vực thành một cuộc xung đột quốc tế.

## **1. Cuộc cạnh tranh năng lượng giữa Trung Quốc và Nhật Bản**

Trong khi trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và Nhật Bản tăng thần kỳ trong những năm gần đây, những tiến bộ về kinh tế có thể bị ảnh hưởng bởi sự đối đầu về chính trị, quân sự và cả bởi sự cạnh tranh gay gắt về năng lượng. Mối quan hệ giữa hai nước vẫn rất căng thẳng xung quanh nhiều vấn đề như: Trung Quốc phản đối tư cách thành viên thường trực trong Hội đồng bảo an LHQ của Nhật Bản, cựu lãnh đạo Đài Loan Lý Đăng Huy thăm Nhật Bản vào cuối năm 2004, và chuyến thăm hàng năm của Thủ tướng Nhật Junichiro Koizumi tới đền tử sĩ Yasukuni Shrine.

Trước bối cảnh mức sống của người dân Trung Quốc được cải thiện nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và mối quan hệ đối đầu giữa hai nước, Nhật Bản đang muốn cắt giảm khoản trợ giúp nước

ngoài cho Trung Quốc. Và như vậy căng thẳng sẽ leo thang khi cả hai đang tìm kiếm một sự bảo đảm về năng lượng. Trung Quốc và Nhật Bản đều là những nước nhập khẩu dầu mỏ lớn, Nhật Bản nhập tới 80% nhu cầu dầu mỏ của mình.

Trong nỗ lực tiếp cận các nguồn năng lượng gần kề và nỗ lực đa dạng hoá nguồn năng lượng ngoài Trung Đông, Nhật Bản và Trung Quốc đã "vận động hành lang" Nga về đường ống dẫn dầu. Bắc Kinh đang đẩy mạnh kế hoạch xây dựng khoảng 2.400 km đường ống dẫn dầu từ Angarsk - Siberia - tới Đại Thanh thuộc tỉnh Hắc Long Giang. Trong khi đó, Tokyo muốn xây dựng 4.000 km đường ống dẫn dầu từ Taishet tới cảng Nakhodka - Thái Bình Dương.

Đề xuất trên được Nhật Bản công bố vào mùa Đông năm 2004. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa Nga và Nhật Bản thỉnh thoảng căng thẳng xung quanh một số vấn đề như vùng lãnh thổ tranh chấp miền Bắc/ Nam Kurils, do đó, việc xây dựng đường ống đã nhiều lần bị trì hoãn. Hơn nữa, Trung Quốc vẫn "chưa nằm ngoài bức tranh" chiến lược, bởi vì cho đến nay vẫn còn nhiều tranh luận xoay quanh việc xây dựng một nhánh của hệ thống dẫn dầu của Nhật Bản tới Trung Quốc trong khoảng thời gian đến năm 2020.

Gần đây, sự tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và Nhật Bản tại vùng biển Đông Trung Quốc, nơi cả hai đều tuyên bố là vùng đặc khu kinh tế (EEZ) của mình, đang trở nên căng thẳng do có nhiều tin cho rằng khu vực này có nhiều dầu và khí đốt. Vùng tranh chấp bao gồm đảo Diaoyu hay còn gọi là đảo Senkaku và mỏ khí đốt Xuân Tiếu tại khu vực đông bắc Đài Loan, nơi - theo thăm dò khảo sát của Nhật Bản năm 1999 - có trữ lượng khoảng 200 triệu mét khối khí đốt. Năm 2003, Trung Quốc bắt đầu khoan thăm dò tại khu vực sau khi Nhật Bản từ chối đề xuất cùng phát triển mỏ này. Cho dù, mỏ khí Xuân Tiếu nằm ở phía Trung Quốc, song Nhật Bản cáo buộc Trung Quốc về việc khai thác lấn sang nguồn năng lượng của phía Nhật Bản.

Cuộc cạnh tranh nguồn năng lượng giữa hai nước giờ đây đã có dấu hiệu chuyển thành thế đối đầu về quân sự sau sự kiện tàu ngầm nguyên tử của Trung Quốc xâm nhập vào vùng lãnh hải của

Nhật Bản ngoài khơi đảo Okinawa vào ngày 10/11 năm ngoái. Nhật Bản đã mở chiến dịch truy đuổi tàu ngầm trên trong 2 ngày tại vùng biển Đông Trung Quốc. Cho dù Trung Quốc đã xin lỗi về sự kiện trên, song sau đó có nhiều tàu thăm dò nước này vẫn đột nhập vào vùng biển Nhật Bản gần đảo Okinotori. Có nhiều khả năng, các tàu trên tiến hành do thám đáy biển vì mục đích khoan khí đốt. Thống kê trong năm 2004 cho thấy: Trung Quốc đã tiến hành 34 cuộc "nghiên cứu" như vậy tại vùng EEZ của Nhật Bản.

Thêm vào những căng thẳng nói trên, Nhật Bản đã chuyển mình mạnh mẽ từ thái độ hoà bình và phòng thủ thời hậu chiến sang năng động hơn về mặt quân sự trong khu vực. Tokyo đã tăng cường lực lượng Phòng vệ và chủ động tham gia vào các chiến dịch tại Iraq.

Đáng lưu ý nhất, lần đầu tiên trong Bản thảo chương trình quốc phòng công bố tháng 12/2004, Nhật Bản "nhận diện" Trung Quốc là mối đe dọa an ninh tiềm năng. Ba vấn đề được xác định là có thể châm ngòi cho một cuộc xung đột giữa hai nước là: nguồn khí thiên nhiên tại vùng biển Đông Trung Quốc, vùng tranh chấp đảo Senkaku hoặc Diaoyu và việc Nhật Bản ủng hộ Mỹ trong vấn đề Đài Loan. Sự thiếu tin tưởng lẫn nhau, thái độ thù địch bắt nguồn từ thế chiến II cùng với sự đối đầu trong một số vấn đề như nguồn năng lượng và lãnh thổ, đặc biệt vai trò ngày càng năng động của cả hai nước trên trường quốc tế - có thể sẽ gây ra những biến động lớn.

## **2. Bảo vệ đường biển**

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Hiệp hội các nước Đông Nam Á đã có nhiều cải thiện. Trung Quốc đã ký Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác với các nước thành viên ASEAN năm 2003. Tuy nhiên, Trung Quốc hiện đang tranh chấp một số đảo trên biển Đông với rất nhiều nước như Việt Nam, Philippines, Brunei và Indonesia và đảo Đài Loan.

Cũng tại khu vực Đông Nam Á, Trung Quốc đang ra sức bảo vệ Eo biển Malacca, nơi xảy ra 40% tổng số vụ cướp biển trên thế giới. Chỗ hẹp nhất của eo này chỉ rộng khoảng hơn 2 km. Cũng

giống như Nhật Bản và Mỹ, Trung Quốc đang thúc đẩy phát triển đội tàu vận chuyển dầu quốc gia hay còn gọi là VLCCs. Đội tàu có thể sẽ được huy động trong những trường hợp nguồn cung cấp nhiên liệu bị "đứt mạch" do tai nạn hoặc cướp biển tại khu vực dọc Eo Malacca hoặc khi bị Mỹ phong tỏa. Hiện tại, chỉ 10% lượng dầu vận chuyển của Trung Quốc được vận chuyển bằng tàu của nước này. Sự lo lắng của Trung Quốc về an ninh nhập khẩu dầu thể hiện rõ nhất vào tháng 6/2006; vào thời điểm này Trung Quốc tiến hành chiến dịch tập trận chống khủng bố lần đầu tiên với giả định là đã xảy ra một vụ tấn công vào một tàu chở dầu.

Trung Quốc hiện đang quan tâm đến kế hoạch phối hợp với Myanmar, và có thể cả Bangladesh, Pakistan hoặc Thailand để làm đường ống dẫn dầu vòng qua các eo biển. Pakistan xem ra không phải là "ứng cử viên" bởi nguy cơ khủng bố luôn rất cao tại quốc gia Nam Á này. Một hệ thống đường ống qua Bangladesh có thể phải đi qua vùng lãnh thổ của đối thủ cạnh tranh chiến lược - Ấn Độ. Tình hình căng thẳng tại miền Nam Thailand cùng với yếu tố nước này là đồng minh thân cận của Mỹ khiến dự định của Trung Quốc xây dựng tuyến đường ống qua Thailand trở nên khó thực hiện. Như vậy, giờ đây Myanmar là sự lựa chọn, Trung Quốc có thể sẽ xây dựng tuyến đường ống dài 1.250 km từ cảng nước sâu Sittwe trên Vịnh Bengal tới Côn Minh - tỉnh Vân Nam. Trong khi đó, Ấn Độ cũng muốn tiếp cận các nguồn năng lượng tại Myanmar, như vậy, có nhiều khả năng Myanmar sẽ trở thành "sân cạnh tranh năng lượng" giữa Ấn Độ và Trung Quốc trong một tương lai không xa.

### **3. Trung Á: Cuộc chơi lớn mới**

Về phía Tây, Trung Quốc tỏ ra là "kẻ chơi năng động" trong một cuộc chơi lớn. Là một phần trong chính sách phát triển "Tây Tiến", Trung Quốc muốn xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu dài nhất 4.200 km từ lòng chảo Tarim tới Thượng Hải. Tuyến đường ống Tây - Đông của Trung Quốc có thể vươn tới Kazakhstan và Turkmenistan, thậm chí tới Iran và biển Caspian. Vào tháng 10/2004, kế hoạch xây dựng đã bắt đầu với khoảng 988 km

đường ống từ Atasu, Tây Bắc Kazakhstan tới Đèo Alataw, thuộc tỉnh Tân Cương. Đường ống này có thể vận chuyển 10 triệu tấn dầu một năm. Theo kế hoạch, dự án này sẽ hoàn thành trong năm nay. Ngoài ra, Trung Quốc còn hỗ trợ phát triển các mỏ dầu tại Uzbekistan và các dự án thủy điện tại Kyrgyzstan và Tajikistan.

Sự hiện diện của Trung Quốc tại vùng Trung Á bắt nguồn từ hàng loạt lợi ích chiến lược. Trung Quốc đi đầu trong việc thành lập SCO, tổ chức được thành lập trong bối cảnh nội chiến ở Tajikistan, chế độ Taliban vẫn nắm quyền tại Afghanistan, khủng bố ở Uzbekistan... SCO đã chuyển tiêu chí hoạt động từ giải quyết các tranh chấp biên giới, chống khủng bố, chống chủ nghĩa cực đoan sang thúc đẩy hợp tác và hội nhập kinh tế giữa Trung Quốc và khu vực Trung Á.

Tuy nhiên, sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc ở Trung Á luôn đi kèm với sự can dự của Nga ở khu vực, với sự có mặt tăng dần của Mỹ sau sự kiện 11/9 cũng như vai trò ngày càng tăng của Ấn Độ (vốn có mối quan hệ lịch sử), Arab Saudi và Pakistan (quan hệ tôn giáo), Thổ Nhĩ Kỳ và Iran (quan hệ văn hoá) và cuối cùng Hàn Quốc với Nhật Bản (quan hệ kinh tế).

Hàng loạt khối quyền lực chống chèo đang nổi lên ở khu vực đều đổ vào thị trường năng lượng. Ví dụ, quan hệ được cải thiện của Trung Quốc và Ấn Độ được thể hiện qua lĩnh vực năng lượng với việc Chủ tịch Khu tự trị Tân Cương Ismail Tiliwandi có chuyến thăm Ấn Độ hồi tháng 10/2004 để thảo luận về dự án liên kết vận chuyển và đường ống dẫn khí tự nhiên Trung Quốc-Ấn Độ. Với sự hiện diện quân sự ngày càng tăng ở khu vực và sự mạo hiểm của Trung Quốc nhằm tiếp cận với nguồn năng lượng khu vực, có thể hiểu được rằng, Trung Á đang nổi lên là một vũ đài cho các cuộc xung đột của các thế lực trong tương lai.

#### **4. Trung Quốc mở rộng sang Trung Đông**

Trung Quốc đã từng cố gắng cải thiện mối quan hệ với các nhà cung cấp dầu mỏ như Arab Saudi, Iran bằng cách bán công

nghe quân sự cho các nước đối tác này, đầu tư vào sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời luôn cố gắng đảm bảo tôn trọng tình hình nhân quyền của các nước trên.

Hiện tại, Trung Quốc nhập 13,6% tổng sản lượng dầu nhập khẩu từ Iran. Trong tháng 3/2004, Trung Quốc đã ký thỏa thuận trị giá 100 triệu USD để nhập 10 triệu tấn gas hóa lỏng từ Iran trong vòng 25 năm và đổi bằng sự đầu tư của Trung Quốc vào quốc gia này trong lĩnh vực khai thác dầu khí, hóa dầu và xây dựng đường ống dẫn dầu tại Iran.

Mối quan hệ Trung Quốc - Iran ngày càng phát triển đã giảm bớt hậu quả của lệnh trừng phạt của Mỹ đối với Iran. Chính quyền Mỹ đã từng phạt các công ty của Trung Quốc 62 lần vì đã vi phạm luật của Mỹ và luật quốc tế khi chuyển giao công nghệ chế tạo vũ khí cho Iran và một số quốc gia khác.

CIA cũng đã từng đệ trình lên Quốc hội Hoa Kỳ bản báo cáo trong đó nêu rằng, các công ty của Trung Quốc đã "giúp đỡ Iran đạt được mục đích tự chế tạo các loại tên lửa đạn đạo". Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng hạt nhân đang căng thẳng, Trung Quốc đã từng phản đối việc đưa vấn đề này ra trước Hội đồng bảo an LHQ, và thậm chí đã từng đe dọa sẽ trả đũa những hành động nhằm chống lại Iran.

Vì mối quan hệ Arab Saudi - Mỹ đã bị rạn nứt sau 11/9, mối quan hệ chiến lược này có thể bị thay thế bởi quan hệ đối tác Trung Quốc - Arab Saudi. Xuất khẩu dầu của Arab Saudi sang Mỹ đã giảm trong năm 2004, trong khi đó sản lượng nhập khẩu dầu của Trung Quốc từ nước này lại tăng lên. Sinopec, công ty dầu khí quốc gia Trung Quốc đã đạt được thỏa thuận khai thác khí đốt tại lòng chảo al-Khali Basin và Arab Saudi cũng đã đồng ý tiến hành xây dựng một nhà máy lọc dầu tại Phúc Kiến để đổi lại đầu tư của Trung Quốc trong ngành khai thác quặng Bixit và Phosphate.

Quan hệ hợp tác kinh tế trong lĩnh vực năng lượng là sự hỗ trợ của mối quan hệ vốn đã phát triển trong lĩnh vực quân sự giữa

Trung Quốc với Arab Saudi. Thực tế là Trung Quốc đã bán cho Arab Saudi hàng loạt tên lửa Siklwon trong thời kỳ chiến tranh Iran-Iraq những năm 1980, và cả Trung Quốc lẫn Arab Saudi đều có mối quan hệ chặt chẽ với Pakistan.

### **5. Tái thiết tam giác chiến lược với Nga**

Nga là nhà cung cấp dầu thô lớn thứ 5 của Trung Quốc, với việc LuKoik hiện nay đang thay thế cho tập đoàn Yukos trở thành nhà cung cấp dầu hàng đầu của Nga cho Trung Quốc. Theo ước tính Trung Quốc nhập khẩu ít nhất 10 triệu tấn dầu từ Nga trong năm 2005, và con số này có khả năng sẽ đạt 15 triệu tấn trong năm 2006.

Cuộc tranh cãi xung quanh việc bán Yuganks, công ty chiếm 60% tổng sản lượng dầu của tập đoàn Yukos và chiếm 11% tổng sản lượng dầu của Nga, đã thể hiện rõ sự xuất hiện của các công ty năng lượng Trung Quốc tại Nga. Trong khi người mua bí ẩn là tập đoàn tài chính Baikal, kết thúc việc bán cổ phần của họ trong Yugansk cho Rosneft trong tháng 12, công ty có thể bị sáp nhập vào tập đoàn quốc doanh của Nga Gazprom, thì điều này cũng không thể ngăn được khả năng tài sản của Yukos bị Trung Quốc mua lại. Tập đoàn dầu khí CNPC của Trung Quốc đã đề nghị mua 20% cổ phần trong Yukos và cung cấp 6 tỷ USD cho Rosneft để mua Yugansk.

Việc Trung Quốc ủng hộ Nga thúc đẩy quá trình gia nhập WTO và sự tăng trưởng trong quan hệ thương mại hai chiều Nga-Trung và sự hợp tác trong cuộc chiến chống khủng bố đã làm bền chặt hơn mối quan hệ Nga-Trung. Quan hệ Nga-Trung trong lĩnh vực năng lượng phản ánh sự cải thiện trong quan hệ chính trị và quân sự giữa hai quốc gia này. Trung Quốc ngày càng dựa nhiều hơn vào nguồn năng lượng của Nga và đồng thời cũng là nước mua vũ khí của Nga nhiều nhất.

Thực tế, việc tăng cường hợp tác Nga-Trung trong lĩnh vực năng lượng là sự tái khẳng định ý tưởng của nguyên thủ tướng Nga Yevgeny Primakov về tam giác chiến lược giữa Nga, Ấn Độ và

Trung Quốc. Ba quốc gia này đã gắn chặt với nhau hơn trong cuộc chiến chống khủng bố, trong nỗ lực chung nhằm thúc đẩy một thế giới đa cực và tôn trọng nguyên tắc chủ quyền và không can thiệp đối với các vấn đề và phong trào ly khai tại Chechnya, Kashmir và Đài Loan.

Ngày nay, lĩnh vực năng lượng được bổ sung vào danh sách các lợi ích chung. Ấn Độ và Trung Quốc đã hợp tác với nhau trong lĩnh vực năng lượng, với việc Ấn Độ chiếm 20% và phía Trung Quốc chiếm 50% trong liên doanh phát triển dầu khí Yahavanran tại Iran. China Gas Holdings cũng đã thiết lập liên minh với tập đoàn dầu khí lớn nhất Ấn Độ, Gail. Ấn Độ và Trung Quốc trong cuộc cạnh tranh mua lại Yukos đã làm cho quan hệ hợp tác Nga - Trung - Ấn trong lĩnh vực năng lượng trở nên vững mạnh hơn nữa trong tương lai.

## **6. Giấu lên chân Mỹ tại châu Phi và châu Mỹ**

Do Trung Quốc vẫn chưa đạt được nhiều tiến triển trong việc tiếp cận nguồn năng lượng từ những khu vực lân cận vì còn hạn chế trong quan hệ với các nước láng giềng, nên nước này thể hiện rõ mong muốn tiếp cận nguồn năng lượng từ những nước khác - xa hơn về địa lý. Cụ thể là, CNPC chiếm tới 40% vốn của một consortium (công-xóc-xiom) tại Sudan có sản lượng trung bình 300.000 thùng/ngày. Trung Quốc cũng là nhà cung cấp hàng đầu về vũ khí cho Chính phủ Sudan. Chính phủ Sudan cũng vừa ký một thỏa thuận hòa bình với nhóm nổi dậy chính ở phía Nam - Phong trào giải phóng dân tộc Sudan (SPLM), để kết thúc 20 năm xung đột ác liệt ngay trên vùng có trữ lượng dầu lớn. Chính quyền Sudan hiện vẫn còn đang vướng vào một cuộc xung đột với một nhóm du kích có vũ trang trong vùng Darfur ở phía Tây Sudan.

Trung Quốc cũng đang cạnh tranh để tiếp cận được nguồn năng lượng tại Angola và các khu vực giàu dầu mỏ khác tại các nước châu Phi bằng cách đổi vũ khí để lấy dầu.

Trung Quốc cũng đang tiếp cận nguồn dầu mỏ tại châu Mỹ.

Tại diễn đàn hội nghị thượng đỉnh APEC, Chile, vào tháng 11/2004, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào cũng đã công bố một thỏa thuận trong lĩnh vực dầu mỏ với Brazil trị giá 10 tỷ USD, đồng thời bổ sung thêm 1,3 tỷ USD hợp đồng giữa Sinopec với Petrobras để lắp đặt 2.000 km đường ống dẫn dầu.

Trung Quốc cũng tiếp cận nguồn dầu tại Ecuador, cũng như đầu tư vào các dự án thăm dò khai thác dầu khí xa bờ của Argentina. Trong chuyến thăm của tổng thống Venezuela Hugo Chavez tới Bắc Kinh tháng 12/2004 và trong chuyến thăm của phó chủ tịch Trung Quốc Tăng Khánh Hồng tới Venezuela tháng giêng 2005, Trung Quốc đã cam kết phát triển cơ sở hạ tầng năng lượng cho nước này bằng cách đầu tư 350 triệu USD vào 15 khu vực giếng dầu và đầu tư 60 triệu USD vào một dự án khí gas tại Venezuela.

Ngày 20/1/2005, trong chuyến thăm của Thủ tướng Canada Paul Martin tới Bắc Kinh, hai nước đã ký một thỏa thuận chung về hợp tác năng lượng, trong đó bao gồm cả việc tiếp cận các nguồn dầu và nguồn uranium của Canada. Trung Quốc cũng thể hiện mong muốn tiếp cận nguồn năng lượng tại khu vực châu Mỹ bằng cách tăng cường sự can thiệp của mình vào lĩnh vực an ninh khu vực.

Trong tháng 10, Trung Quốc đã gửi đội quân gìn giữ hòa bình của mình tới Haiti như là động thái quân sự đầu tiên đối với châu Mỹ Latin. Cần phải lưu ý rằng, Haiti lại là một trong số 25 quốc gia công nhận Đài Loan.

Hiện nay, Mỹ đang cẩn thận quan sát các động thái của Trung Quốc vì nước này đang đặt chân lên cả những vùng mà trước đây chịu ảnh hưởng của Mỹ và đồng thời cũng là khu vực có trữ lượng dầu lửa quan trọng. Venezuela và Canada cung cấp 1/4 sản lượng năng lượng nhập khẩu của Mỹ.

Sự bất đồng quan điểm giữa Trung Quốc và phương Tây trước đây chủ yếu tập trung vào vấn đề tỷ giá hối đoái thấp và vấn đề nhân quyền và vấn đề Trung Quốc giữ quan hệ với các nước "cứng đầu". Tuy nhiên, cuộc chiến nhằm chiếm lĩnh các nguồn năng lượng hiện nay đang bổ sung những động lực mới cho sự bất đồng này.

Vai trò ngày càng tăng của Trung Quốc trong “sân khấu năng lượng quốc tế” có thể sau này sẽ dẫn tới sự đối đầu với nước tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới là Mỹ. Trong khi Trung Quốc và Mỹ đã bắt đầu đối thoại về chính sách năng lượng, hai quốc gia đồng thời cũng đang tham dự vào một cuộc chiến giành nguồn năng lượng tại Nga, vùng Caspia, Trung Đông, Châu Mỹ và châu Phi.

Cuộc chiến này cũng có thể cuốn vào bản thân nó những bất đồng khác nữa. Một tình huống giả định được nêu ra: nếu Trung Quốc xung đột với Đài Loan hay Nhật Bản, khi đó, Mỹ có thể phản đối hành động của Trung Quốc bằng cách phong tỏa Eo biển Malacca - một vùng biển quan trọng đối với tàu chở dầu tới Trung Quốc.

Không phải ngẫu nhiên mà Trung Quốc đã hết sức nỗ lực để đạt được tiến bộ trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp biên giới với Ấn Độ và Nga. Và cũng không phải ngẫu nhiên mà Trung Quốc lại thất bại trong tranh chấp vùng biển phía Đông và phía Nam (một khu vực giàu nguồn năng lượng) với Nhật Bản.

Trong bối cảnh phát triển bị dẫn dắt bởi nhu cầu năng lượng, Trung Quốc đang theo đuổi chính sách “đối thoại hòa bình”, đồng thời phải gác lại những bất đồng nhất định, nhằm tạo ra môi trường ổn định cho các khu vực mà ở đó tồn tại các nguồn cung cấp năng lượng nằm trong chiến lược của đất nước này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tấn xã Việt Nam. Bản tin chuyên đề “Những điểm nổi bật trong quan hệ Mỹ-Trung”, 20/11/2005. (<http://news.vnnet.vn/webnghenhin/index.asp>).
2. US – China: Rival or Partner. <http://www.bbc.co.uk>. 5/7/2005.
3. [www.vietnamchinalink.com](http://www.vietnamchinalink.com). 6/7/2005.
4. Nguồn <http://www.cnn.com/>. 9/5/2005.
5. Tổng hợp các tin từ <http://www.vnexpress.net/>

6. Nguồn CNN.COM. Blair to meet UK Muslim leaders. Tuesday, July 19, 2005.
7. <http://www.1.24h.com.vn/news>; (9/7/2005).
8. Nguồn: BBC NEWS: Support for Bin Laden 'declining'. 15 July, 2005; abc news, Poll: Support for Bin Laden on Decline; WASHINGTON Jul 14, 2005 (AP); Wasingtonpost.com. Support for Bin Laden, Violence Down Among Muslims, Poll Says, 15/7/2005.
9. Nguồn: <http://www.vnexpress.net/Vietnam>, 7/7/2005.
10. Asia times online. China fuels energy cold war, 2/3/2005; Seattle Times, Energy reshapes China's priorities. AP,. 7/7/2005.